Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và
Các báo cáo tài chính riêng

31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 40

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị: Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 6 đường Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

SỰ KIỆN TRỌNG YẾU TRONG NĂM

Trong năm 2010, Tổng Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất và tiêu thụ 1 tỷ lít bia.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã đầu tư thêm 169.035.000.000 đồng vào Quỹ đầu tư tăng trưởng Sabeco nâng quyền sở hữu và kiểm soát từ 35% lên 68%. Theo đó Quỹ đầu tư này trở thành quỹ trực thuộc của Tổng Công ty tại ngày này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Bá Thi	Chủ tịch	
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên	
Ông Ian McNeilagec	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	
Ông Phan Đăng Tuất	Thành viên	
Ông Vũ Quốc Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2010

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Giám đốc nhà máy
Bà Nguyễn Thị Diệu Hồng	Giám đốc nhà máy
Ông Lê Hồng Xanh	Giám đốc điều hành
Ông Trần Công Tước	Giám đốc điều hành
Ông Trần Đức Hòa	Giám đốc điều hành
Bà Trịnh Thị Tuyết Minh	Giám đốc điều hành
Ông Trần Nghĩa	Giám đốc điều hành

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Nguyễn Bá Thi
Chủ tịch

Ngày 14 tháng 3 năm 2011

Ernst & Young Vietnam Limited
Saigon Riverside Office Center
8th Floor, 2A-4A Ton Duc Thang Street
District 1, Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam
Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
www.ey.com

Số tham chiếu: 60876373/14634648

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày từ trang 4 đến 40 (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính riêng"). Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 4 năm 2010 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính riêng này.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày việc Tổng Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai Viết Hùng Trân
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0048/KTV

Lê Vũ Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.1588/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.492.406.342.678**	**2.887.606.370.937**
110	***I. Tiền***	***4***	***161.560.896.749***	***393.131.080.388***
111	1. Tiền		161.560.896.749	393.131.080.388
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***	***5***	***2.147.153.193.575***	***976.764.000.000***
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.147.153.193.575	976.764.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***926.412.352.759***	***1.161.427.450.524***
131	1. Phải thu khách hàng	6	513.463.794.920	402.645.196.161
132	2. Trả trước cho người bán	7	92.732.252.163	27.113.734.153
135	3. Các khoản phải thu khác	8	327.920.818.343	753.529.123.992
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.704.512.667)	(21.860.603.782)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***229.587.495.931***	***238.099.983.633***
141	1. Hàng tồn kho	9	251.773.790.762	268.841.472.600
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(22.186.294.831)	(30.741.488.967)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***27.692.403.664***	***118.183.856.392***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.700.116.970	7.132.923.465
152	2. Thuế Giá trị Gia tăng được khấu trừ		1.588.115.578	306.168.032
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	37.966.083.396
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	16.404.171.116	72.778.681.499

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**7.689.647.857.113**	**7.967.362.453.466**
220	***I. Tài sản cố định***		***3.154.327.491.116***	***3.343.485.185.947***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.632.757.186.098	1.744.222.914.517
222	Nguyên giá		2.676.015.585.075	2.563.873.821.555
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.043.258.398.977)	(819.650.907.038)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.496.317.864.782	1.501.459.020.573
228	Nguyên giá		1.518.224.759.651	1.516.093.462.819
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.906.894.869)	(14.634.442.246)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	25.252.440.236	97.803.250.857
250	***II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***	***14***	***3.898.312.772.438***	***3.914.898.051.570***
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	2.104.331.351.131	1.809.792.892.574
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	1.080.969.159.829	1.242.472.618.386
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.321.156.713.136	1.285.365.973.136
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(608.144.451.658)	(422.733.432.526)
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***637.007.593.559***	***708.979.215.949***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	635.467.314.489	708.233.776.762
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.540.279.070	745.439.187
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**11.182.054.199.791**	**10.854.968.824.403**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**3.786.866.375.641**	**3.549.161.462.568**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***3.733.977.052.776***	***3.496.744.468.973***
312	1. Phải trả người bán	16	566.805.857.483	377.490.287.371
313	2. Người mua trả tiền trước		270.664.420	494.516.731
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	166.166.371.257	136.173.656.397
315	4. Phải trả người lao động		63.240.176.149	25.988.854.542
316	5. Chi phí phải trả	18	46.019.916.296	159.069.142.516
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	2.813.598.532.840	2.780.825.364.084
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	77.875.534.331	16.702.647.332
330	***II. Nợ dài hạn***		***52.889.322.865***	***52.416.993.595***
333	1. Phải trả dài hạn khác	21	51.602.316.000	51.602.316.000
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.287.006.865	814.677.595
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**7.395.187.824.150**	**7.305.807.361.835**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***22***	***7.395.187.824.150***	***7.305.807.361.835***
411	1. Vốn cổ phần		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		191.230.503.662	61.587.683.714
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		791.145.460.488	831.407.818.121
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**11.182.054.199.791**	**10.854.968.824.403**

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
S.Đ.K.K.D: 4103010027 - C.T.C.P
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Bá Thi
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng**	**23.1**	**7.214.862.384.849**	**5.957.934.103.835**
03	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**23.1**	**(1.592.742.150.995)**	**(1.544.127.621.387)**
10	**3. Doanh thu thuần**	**23.1**	**5.622.120.233.854**	**4.413.806.482.448**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**24, 27**	**(4.871.993.808.315)**	**(3.925.957.539.880)**
20	**5. Lợi nhuận gộp**		**750.126.425.539**	**487.848.942.568**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**23.2**	**2.438.907.279.135**	**953.104.580.252**
22	**7. Chi phí tài chính**	**25**	**(259.236.457.391)**	**(354.563.953.040)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
24	**8. Chi phí bán hàng**	**27**	**(194.723.806.540)**	**(159.924.106.512)**
25	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**27**	**(58.829.644.348)**	**(100.394.529.458)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**2.676.243.796.395**	**826.070.933.810**
31	**11. Thu nhập khác**	**26**	**10.102.545.826**	**41.069.598.039**
32	**12. Chi phí khác**	**26**	**(14.328.608.984)**	**(15.514.369.059)**
40	**13. (Lỗ) lợi nhuận khác**	**26**	**(4.226.063.158)**	**25.555.228.980**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**2.672.017.733.237**	**851.626.162.790**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**28.1**	**(79.956.174.169)**	**-**
52	**16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại**	**28.3**	**794.839.883**	**(3.556.265.781)**
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**2.592.856.398.951**	**848.069.897.009**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thi
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**2.672.017.733.237**	**851.626.162.790**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và khấu trừ	11, 12	235.159.705.032	246.281.961.172
03	Các khoản dự phòng		162.699.733.881	279.248.127.578
04	Lỗ từ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		6.161.116.279	-
05	(Lãi) lỗ từ thanh lý tài sản cố định		(416.810.657)	8.197.534.854
06	Thu nhập cổ tức	23.2	(2.244.277.214.300)	(828.892.763.886)
07	Thu nhập tiền lãi		(181.459.904.612)	(84.786.773.794)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**649.884.358.860**	**471.674.248.714**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(110.904.175.001)	198.198.864.217
10	Giảm hàng tồn kho		17.067.681.838	144.114.370.741
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.040.077.286.301)	340.558.649.950
12	Giảm chi phí trả trước		70.199.268.768	99.045.095.641
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.700.159.633)	(37.966.083.396)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		265.020.040.997	386.074.232.107
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(267.290.684.760)	(424.892.650.660)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh**		**(444.800.955.232)**	**1.176.806.727.314**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(194.806.072.005)	(651.808.184.090)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		889.909.091	-
23	Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn		(1.166.425.193.575)	(578.260.948.341)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		2.500.000.000	99.655.426.250
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con và các công ty liên kết		(169.035.000.000)	(213.690.763.997)
25	Tiền chi đầu tư dài hạn vào cổ phiếu		(2.290.740.000)	(21.267.210.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.500.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.833.134.762.254	522.692.325.982
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**1.303.967.665.765**	**(840.179.354.196)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(1.090.679.241.470)	(402.163.393.800)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(1.090.679.241.470)**	**(402.163.393.800)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(231.512.530.937)**	**(65.536.020.682)**
60	**Tiền đầu năm**		**393.131.080.388**	**458.667.101.070**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		**(57.652.702)**	**-**
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**161.560.896.749**	**393.131.080.388**

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thi
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2011

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị: Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dước hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm nguyên vật liệu và bao bì.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 6 đường Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có 909 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 888 nhân viên)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Tổng Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày trong Thuyết minh số 14 (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"). Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hướng dẫn kế toán ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty trong tương lai.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Tổng Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán Tổng Công ty sử dụng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính ở những năm trước, ngoại trừ việc phân loại lại Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 244") hướng dẫn điều chỉnh và bổ sung chế độ kế toán hiện hành. Một trong những thay đổi chủ yếu được áp dụng tại Tổng Công ty là phân loại lại Quỹ khen thưởng, phúc lợi như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán, khác với sự phân loại trước đây là một khoản thuộc vốn chủ sở hữu.

3.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, ngoại trừ các tài sản đã được đánh giá lại trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, trừ đi khấu hao lũy kế. Giá trị đánh giá lại được phản ánh vào khoản vốn góp nhận được.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước, tài sản cố định vô hình đã được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và sau đó tại ngày 30 tháng 4 năm 2008.

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá hoặc giá trị đánh giá lại trừ đi phân bổ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa & vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc & thiết bị	5 – 12 năm
Phương tiện vận tải	3 – 8 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Quyền sử dụng đất không thời hạn	-

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp giá gốc ngoại trừ một số khoản đầu tư dài hạn được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 cho mục đích cổ phần hóa theo Biên bản quyết toán cổ phần hóa ngày 6 tháng 3 năm 2010. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Tổng Công ty.

3.10 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo phương pháp giá gốc ngoại trừ một số khoản đầu tư dài hạn được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 cho mục đích cổ phần hóa theo Biên bản quyết toán cổ phần hóa ngày 6 tháng 3 năm 2010.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Tổng Công ty.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua thực tế ngoại trừ một số khoản đầu tư dài hạn được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 cho mục đích cổ phần hóa theo Biên bản quyết toán cổ phần hóa ngày 6 tháng 3 năm 2010.

3.12 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó và các khoản đầu tư khác theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và dựa trên nguyên tắc thận trọng của kế toán theo CMKTVN số 1 "Chuẩn mực chung". Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính và Công văn số 7728/BTC-TCND ngày 7 tháng 6 năm 2010 của Bộ Tài chính với mức trích lập 3% tổng quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty trích lập và nộp bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán riêng. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính.

Tổng Công ty chưa áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") cho năm hiện hành do CMKTVN số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỉ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") vẫn còn hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính và sự khác biệt trong việc áp dụng Thông tư 201 và CMKTVN số 10 đang được Tổng Công ty áp dụng nhất quán với các năm trước là không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

3.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tổng Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi khác, v v..

3.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tổng Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động và tham gia công tác từ thiện xã hội và quỹ này được phân loại lại như khoản nợ phải trả như trình bày tại Thuyết minh số 3.1.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khỏan chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	10.019.535	24.286.927
Tiền gửi ngân hàng	161.550.877.214	393.106.793.461
TỔNG CỘNG	**161.560.896.749**	**393.131.080.388**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng và dưới một năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được hưởng lãi suất năm từ 11% đến 14%.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	435.647.432.656	331.462.891.162
Phải thu từ các bên thứ ba	77.816.362.264	71.182.304.999
TỔNG CỘNG	**513.463.794.920**	**402.645.196.161**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	27.244.952.362	297.295.034
Trả trước cho các bên thứ ba	65.487.299.801	26.816.439.119
TỔNG CỘNG	**92.732.252.163**	**27.113.734.153**

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu cổ tức các bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	219.341.637.488	639.785.054.102
Phải thu cổ tức các bên khác	8.951.847.600	-
Các khoản phải thu liên quan đến cổ phần hóa *(Thuyết minh số 29)*	44.587.509.871	47.587.509.871
Lãi tiền gửi	21.858.821.483	21.713.139.388
Lãi từ trái phiếu và cho vay	15.074.894.045	17.864.642.236
Phải thu khác	18.106.107.856	26.578.778.395
TỔNG CỘNG	**327.920.818.343**	**753.529.123.992**

9. HÀNG TỒN KHO

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Hàng mua đang đi đường	37.978.141.480	33.899.657.497
Nguyên vật liệu	142.393.240.806	158.466.337.476
Công cụ, dụng cụ	83.331.349	217.960.080
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.663.380.987	75.813.277.865
Thành phẩm	1.655.696.140	444.239.682
TỔNG CỘNG	**251.773.790.762**	**268.841.472.600**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	30.741.488.967	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	30.741.488.967
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.555.194.136)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	22.186.294.831	30.741.488.967

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tài sản thiếu chờ xử lý	14.461.411.146	4.136.720.408
Tạm ứng cho nhân viên	1.941.991.703	1.345.707.702
Ký quỹ bảo lãnh thư tín dụng	768.267	67.296.253.389
TỔNG CỘNG	**16.404.171.116**	**72.778.681.499**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VNĐ

	Nhà cửa & vật kiến trúc	*Máy móc & thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Trang thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	418.875.647.313	2.074.822.123.097	30.702.735.848	39.473.315.297	2.563.873.821.555
Mua trong năm	-	302.461.182	2.627.873.768	8.782.913.811	11.713.248.761
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	13.917.349.793	90.321.486.236	931.351.819	-	105.170.187.848
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.722.608.315)	-	(19.064.774)	(4.741.673.089)
Số dư cuối năm	432.792.997.106	2.160.723.462.200	34.261.961.435	48.237.164.334	2.676.015.585.075
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*12.915.896.670*	*279.880.693.296*	*8.274.306.205*	*13.367.748.592*	*314.438.644.763*
Chờ thanh lý	-	*1.829.727.153*	*1.065.354.935*	*2.501.340.050*	*5.396.422.138*
Giá trị hao mòn:					
Số dư đầu năm	89.173.966.899	696.149.479.098	15.453.030.357	18.874.430.684	819.650.907.038
Khấu hao trong năm	26.066.161.504	192.410.867.967	3.333.292.727	6.076.930.211	227.887.252.409
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.274.055.335)	-	(5.705.135)	(4.279.760.470)
Số dư cuối năm	115.240.128.403	884.286.291.730	18.786.323.084	24.945.655.760	1.043.258.398.977
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	329.701.680.414	1.378.672.643.999	15.249.705.491	20.598.884.613	1.744.222.914.517
Số dư cuối năm	317.552.868.703	1.276.437.170.470	15.475.638.351	23.291.508.574	1.632.757.186.098

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VNĐ

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	1.683.983.109.174	22.930.547.568	1.706.913.656.742
Phân loại qua chi phí trả trước dài hạn (*)	(190.820.193.923)	-	(190.820.193.923)
Số dư đầu năm sau khi phân loại lại	1.493.162.915.251	22.930.547.568	1.516.093.462.819
Tăng trong năm	-	2.131.296.832	2.131.296.832
Số dư cuối năm	1.493.162.915.251	25.061.844.400	1.518.224.759.651
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	*15.017.509.575*	*15.017.509.575*
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu năm	17.234.811.130	14.634.442.246	31.869.253.376
Phân loại qua chi phí trả trước dài hạn (*)	(17.234.811.130)	-	(17.234.811.130)
Số dư đầu năm sau khi phân loại lại	-	14.634.442.246	14.634.442.246
Tăng trong năm	-	7.272.452.623	7.272.452.623
Số dư cuối năm	-	21.906.894.869	21.906.894.869
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	1.666.748.298.044	8.296.105.322	1.675.044.403.366
Phân loại qua chi phí trả trước dài hạn (*)	(173.585.382.793)	-	(173.585.382.793)
Số dư đầu năm sau khi phân loại lại	1.493.162.915.251	8.296.105.322	1.501.459.020.573
Số dư cuối năm	1.493.162.915.251	3.154.949.531	1.496.317.864.782

(*) Tổng Công ty đã phân loại lại tiền thuê đất trả trước của Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất theo giá tạm tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa trên tài khoản tài sản cố định vô hình và tài khoản đối ứng các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tương ứng số tiền là VNĐ 1.492.547.178.700 *(Thuyết minh số 19)* theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và Biên bản công tác quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại thời điểm ngày 30 tháng 4 năm 2008 được lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Chi tiết các lô đất này được trình bày như sau:

Số thứ tự	*Địa chỉ*	*Diện tích (m^2)*	*Mục đích sử dụng*	*Tình trạng pháp lý*	*Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp (VNĐ)*
1	6 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	6.080,2	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	757.167.306.000
2	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	55.241.212.500
3	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	418.634.111.100
4	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	247.637.160.000
5	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	Đất sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận tạm thời. Không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, góp vốn, thế chấp quyền sử dụng đất.	13.867.389.100
				TỔNG CỘNG	**1.492.547.178.700**

Tổng Công ty chưa trích khấu hao cho quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng và phân bổ chi phí tương ứng chưa được xác định một cách chắc chắn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã trích nộp chi phí sử dụng các lô đất nêu trên trong năm với số tiền là VNĐ 6.504.983.945 (Năm 2009: VNĐ 6.051.644.685) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án bồn lên men	9.111.068.986	84.231.635.459
Dự án nhà máy bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	6.329.190.920	27.000.000
Dự án khác	9.812.180.330	13.544.615.398
TỔNG CỘNG	**25.252.440.236**	**97.803.250.857**

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh 14.1)*	2.104.331.351.131	1.809.792.892.574
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh 14.2)*	1.080.969.159.829	1.242.472.618.386
Đầu tư dài hạn khác		
- Đầu tư cổ phiếu	904.306.271.708	902.015.531.708
- Đầu tư trái phiếu	276.618.016.000	279.118.016.000
- Đầu tư dài hạn khác	140.232.425.428	104.232.425.428
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(608.144.451.658)	(422.733.432.526)
TỔNG CỘNG	**3.898.312.772.438**	**3.914.898.051.570**

Các khoản đầu tư cổ phiếu chủ yếu là các khoản đầu tư vào các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư, các công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán...

Tổng Công ty đầu tư vào trái phiếu của các ngân hàng thương mại với mức lãi suất trong khoảng từ 6% đến 9,8% (2009: 8,5% đến 9,8%) một năm và đáo hạn trong khoảng từ 2010 đến 2016.

Đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản cho vay hưởng lãi suất trong khoảng từ 1,8% đến 6,6% (2009: 1,8% đến 12%) một năm trong đó chủ yếu là các khoản cho Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây vay trị giá VNĐ 95.232.425.428 (*Thuyết minh số 29*) với lãi suất 1,8%, và khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam có giá trị là 36.000.000.000 VNĐ.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

VNĐ

Tên công ty	*Hoạt động chính*	*% sở hữu*	*Giá trị đầu tư*		*Địa điểm*
			Số cuối năm VNĐ	*Số đầu năm VNĐ*	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây	Sản xuất và kinh doanh bia	51%	114.733.625.322	114.733.625.322	Cần Thơ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương	Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu, đầu tư bất động sản	51%	225.420.000.000	225.420.000.000	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	51%	229.731.316.208	229.731.316.208	Quảng Ngãi
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát	51%	34.280.058.137	34.280.058.137	Hà Nam
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát	51%	26.176.512.179	26.176.512.179	Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát	51%	57.433.094.770	57.433.094.770	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân	Sản xuất bia và nước giải khát có ga, vận chuyển	51%	17.650.697.182	17.650.697.182	Phú Thọ
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	51%	80.895.268.785	80.895.268.785	Nghệ Tĩnh
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	51%	229.500.000.000	229.500.000.000	Nghệ An
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	51%	91.800.000.000	91.800.000.000	Hà Nội
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Sabeco	Đầu tư chứng khoán	68%	294.538.458.557	-	Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại SABECO (SATRACO)	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	642.806.656.300	642.806.656.300	Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO (MESAB Co.Ltd)	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm, lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100%	59.365.663.691	59.365.663.691	Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG			**2.104.331.351.131**	**1.809.792.892.574**	

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

VNĐ

Tên công ty	*Hoạt động chính*	*% sở hữu*	*Giá trị đầu tư*		*Địa điểm*
			Số cuối năm VNĐ	*Số đầu năm VNĐ*	
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện	20,2%	189.507.130.000	189.507.130.000	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Kinh doanh LTTP SABECO	Sản xuất sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm	20%	4.725.000.000	4.725.000.000	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phủ Lý	Sản xuất bia, nước khoáng, dịch vụ khách sạn và vận chuyển	20%	25.000.000.000	25.000.000.000	Hà Nam
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Kinh doanh vận chuyển	25%	29.085.727.925	29.085.727.925	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bao bì Kho Bãi Bình Tây	Sản xuất hộp, thùng bằng carton, nhựa và kim loại	20%	1.824.294.588	1.824.294.588	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Nước khoáng Dakai	Sản xuất. kinh doanh nước khoáng và nước giải khát	36%	2.148.384.000	2.148.384.000	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Hạ tầng KCN SABECO	Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, nhà cửa và khu công nghiệp	25%	11.488.606.591	11.488.606.591	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20%	25.000.000.000	25.000.000.000	Phú Thọ
Công ty Cổ phần Bao Bì Bia Sài Gòn	Sản xuất đồ hộp, thùng giấy bằng nhựa và kim loại	20%	5.753.829.969	5.753.829.969	Hồ Chí Minh
Quỹ đầu tư tăng trưởng Sabeco (*)	Đầu tư chứng khoán		-	125.503.458.557	Hồ Chí Minh

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

VNĐ

Tên công ty	*Hoạt động chính*	*% sở hữu*	*Giá trị đầu tư*		*Địa điểm*
			Số cuối năm *VNĐ*	*Số đầu năm* *VNĐ*	
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sabeco	Thành lập và quản lý các công ty quỹ, công ty chứng khoán và các danh mục quản lý	20%	5.000.000.000	5.000.000.000	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cồn, nước giải khát và phụ tùng thay thế	31%	106.972.472.407	106.972.472.407	Bình Định
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tân Thành	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29%	335.971.520.968	335.971.520.968	Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Rượu và Cồn Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn	45%	31.632.170.530	31.632.170.530	Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30%	86.338.395.824	86.338.395.824	Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Sản xuất lon nhôm	30%	151.198.380.827	151.198.380.827	Hồ Chí Minh
Công ty TNHH San Miguel Phú Thọ	Sản xuất và bán các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại	35%	26.212.239.000	26.212.239.000	Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bao bì Sabeco Sông Lam	Sản xuất hộp, chai, ly và giấy		-	36.000.000.000	Nghệ An
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	25%	43.111.007.200	43.111.007.200	Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG			**1.080.969.159.829**	**1.242.472.618.386**	

(*) Vào ngày 14 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã đầu tư thêm 169.035.000.000 đồng vào Quỹ đầu tư tăng trưởng Sabeco nâng quyền sở hữu và kiểm soát từ 35% lên 68%. Theo đó Quỹ đầu tư này trở thành quỹ trực thuộc của Tổng Công ty tại ngày này.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VNĐ

	Lợi thế thương mại	*Bao bì sử dụng nhiều lần*	*Tài sản chờ mang đi đầu tư*	*Tiền thuê đất trả trước*	*Khác*	*Tổng cộng*
Số dư đầu năm	433.247.275.214	49.798.802.755	51.602.316.000	-	-	534.648.393.969
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình *(thuyết minh số 12)*	-	-	-	173.585.382.793	-	173.585.382.793
Số dư đầu năm sau khi phân loại	433.247.275.214	49.798.802.755	51.602.316.000	173.585.382.793	-	708.233.776.762
Tăng trong năm	-	15.892.064.720	-	-	63.747.000	15.955.811.720
Phân bổ trong năm	(51.989.673.027)	(22.667.972.732)	-	(4.665.115.143)	-	(79.322.760.902)
Thanh lý	-	(9.399.513.091)	-	-	-	(9.399.513.091)
Số dư cuối năm	381.257.602.187	33.623.381.652	51.602.316.000	168.920.267.650	63.747.000	635.467.314.489

- Lợi thế thương mại thể hiện giá trị lợi thế kinh doanh được tự tạo ra bởi Tổng Công ty từ ngày thành lập đến ngày định giá Tổng Công ty Nhà Nước. Lợi thế thương mại được xác định trong quá trình định giá Tổng Công ty Nhà Nước theo Thông tư số 126/2004/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2004 và được đánh giá lại trong năm theo Biên bản quyết toán cổ phần hóa. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa.
- Bao bì sử dụng nhiều lần bao gồm chai két và thùng. Nguyên giá của bao bì sử dụng nhiều lần được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.
- Tài sản chờ mang đi đầu tư phản ánh giá trị đất chờ bàn giao để góp vốn đầu tư vào các công ty khác.
- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo thời hạn thuê đất.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả các bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	188.558.372.854	145.183.035.100
Phải trả các bên thứ ba	378.247.484.629	232.307.252.271
TỔNG CỘNG	**566.805.857.483**	**377.490.287.371**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thuế tiêu thụ đặc biệt	129.797.643.169	117.681.683.063
Thuế giá trị gia tăng	14.018.438.387	14.659.221.542
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.289.931.140	-
Thuế đất	3.457.332.328	1.582.198.728
Thuế nhập khẩu	1.130.433.118	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.704.108.297	1.487.793.566
Các khoản khác	2.768.484.818	762.759.498
TỔNG CỘNG	**166.166.371.257**	**136.173.656.397**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí phải trả để mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	40.058.502.409	152.676.400.229
Chi phí khuyến mãi	5.231.278.059	1.191.949.000
Chi phí khác	730.135.828	5.200.793.287
TỔNG CỘNG	**46.019.916.296**	**159.069.142.516**

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa *(Thuyết minh số 12)*	1.492.547.178.700	1.492.547.178.700
Cổ tức phải trả cho Bộ Công Thương	1.149.038.268.000	-
Cổ tức phải trả cho các Cổ đông khác	134.725.151.725	1.698.598.300
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	11.136.423.181	1.254.420.581.108
Kinh phí công đoàn	4.415.474.165	2.667.451.381
Các khoản khác	21.736.037.069	29.491.554.595
TỔNG CỘNG	**2.813.598.532.840**	**2.780.825.364.084**

Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa được xác định trong tháng 3 năm 2010 bởi Tổ thẩm tra quyết toán cổ phần hóa gồm đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính theo Biên bản công tác quyết toán cổ phần hóa ngày 6 tháng 3 năm 2010.

20. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

VNĐ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số dư đầu năm	16.702.647.332	34.614.585.271
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	130.731.873.741	33.250.818.110
Sử dụng quỹ	(69.558.986.742)	(51.162.756.049)
Số dư cuối năm	**77.875.534.331**	**16.702.647.332**

(*) Trong năm 2010, Tổng Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 130.731.873.741 VNĐ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2009 là 38.088.565.947 VNĐ, quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2010 là 66.714.743.804 VNĐ và quỹ công tác xã hội năm 2010 là 25.928.563.990 VNĐ.

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Nợ dài hạn thể hiện là khoản tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VNĐ

	Vốn cổ phần	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:				
Số dư đầu năm	6.412.811.860.000	19.184.188.864	58.992.234.072	6.490.988.282.936
Lợi nhuận trong năm	-	-	848.069.897.009	848.069.897.009
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(33.250.818.110)	(33.250.818.110)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	42.403.494.850	(42.403.494.850)	-
Số dư cuối năm	6.412.811.860.000	61.587.683.714	831.407.818.121	7.305.807.361.835
Năm nay:				
Số dư đầu năm	6.412.811.860.000	61.587.683.714	831.407.818.121	7.305.807.361.835
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.592.856.398.951	2.592.856.398.951
Chia cổ tức năm 2009	-	-	(1.090.181.690.895)	(1.090.181.690.895)
Tạm ứng cổ tức năm 2010 (*)	-	-	(1.282.562.372.000)	(1.282.562.372.000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(130.731.873.741)	(130.731.873.741)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	129.642.819.948	(129.642.819.948)	-
Số dư cuối năm	6.412.811.860.000	191.230.503.662	791.145.460.488	7.395.187.824.150

(*) Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2010 với tỉ lệ là 20% mệnh giá cổ phiếu và tổng giá trị là VNĐ 1.282.562.372.000 theo Thông báo số 339/2010/TB-HDQT ngày 25 tháng 12 năm 2010.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Vốn cổ phần

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2008, Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và phát hành 641.281.186 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ. Nhà nước bán ra công chúng 66.762.052 cổ phiếu vào ngày này.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Tất cả các cổ phiếu có cùng các quyền, kể cả về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, v.v.

Các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 gồm:

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Tổng mệnh giá VNĐ	*Số cổ phiếu phổ thông*	*Tổng mệnh giá VNĐ*	*Số cổ phiếu phổ thông*
Bộ Công Thương	5.745.191.340.000	574.519.134	5.745.191.340.000	574.519.134
Cổ đông khác	667.620.520.000	66.762.052	667.620.520.000	66.762.052
TỔNG CỘNG	**6.412.811.860.000**	**641.281.186**	**6.412.811.860.000**	**641.281.186**

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**7.214.862.384.849**	**5.957.934.103.835**
Trong đó		
Doanh thu thành phẩm	*4.247.081.018.475*	*3.805.696.079.500*
Doanh thu nguyên vật liệu và hàng hoá	*2.914.402.509.868*	*2.135.371.683.590*
Doanh thu tiêu dùng nội bộ	*20.956.390.063*	*9.343.120.145*
Doanh thu bán bao bì sử dụng nhiều lần	*9.399.513.091*	*7.523.220.600*
Doanh thu khác	*23.022.953.352*	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(1.592.742.150.995)**	**(1.544.127.621.387)**
Trong đó		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	*(1.592.521.577.301)*	*(1.544.127.621.387)*
Hàng bán bị trả lại	*(220.573.694)*	-
Doanh thu thuần	**5.622.120.233.854**	**4.413.806.482.448**
Trong đó:		
Doanh thu thành phẩm	*2.654.338.867.480*	*2.261.568.458.113*
Doanh thu nguyên vật liệu và hàng hoá	*2.914.402.509.868*	*2.135.371.683.590*
Doanh thu tiêu dùng nội bộ	*20.956.390.063*	*9.343.120.145*
Doanh thu bán bao bì sử dụng nhiều lần	*9.399.513.091*	*7.523.220.600*
Doanh thu khác	*23.022.953.352*	-

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.244.277.214.300	828.892.763.886
Lãi tiền gửi	154.164.640.693	53.998.045.014
Lãi đầu tư trái phiếu, cho vay	27.295.263.919	30.788.728.780
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.121.418.954	38.645.938.518
Khác	1.048.741.269	779.104.054
TỔNG CỘNG	**2.438.907.279.135**	**953.104.580.252**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.917.884.825.458	1.999.723.285.500
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.932.216.465.209	1.879.995.944.112
Giá vốn tiêu dùng nội bộ	20.956.390.063	9.343.120.145
Giá vốn bao bì sử dụng nhiều lần	9.399.513.091	6.153.701.156
Giá vốn khác	91.808.630	-
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.555.194.136)	30.741.488.967
TỔNG CỘNG	**4.871.993.808.315**	**3.925.957.539.880**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	185.411.019.132	225.965.512.526
Lỗ chênh lệch tỷ giá	73.824.338.259	128.441.633.294
Chi phí tài chính khác	1.100.000	156.807.220
TỔNG CỘNG	**259.236.457.391**	**354.563.953.040**

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**10.102.545.826**	**41.069.598.039**
Bán phế liệu	5.421.322.014	16.516.796.456
Tiền bồi thường hợp đồng	3.359.297.881	9.085.640.920
Thanh lý tài sản cố định	889.909.091	-
Khác	432.016.840	15.467.160.663
Chi phí khác	**(14.328.608.984)**	**(15.514.369.059)**
Khấu hao tài sản cố định không dùng trong sản xuất kinh doanh	(7.478.189.906)	(8.758.266.228)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	(473.098.434)	(44.419.933)
Lỗ do đánh giá lại tài sản cố định góp đầu tư	-	(1.457.960.000)
Khác	(6.377.320.644)	(5.253.722.898)
GIÁ TRỊ THUẦN	**(4.226.063.158)**	**25.555.228.980**

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.292.629.451.654	3.299.686.436.495
Chi phí nhân công	213.207.093.855	160.752.885.054
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định *(Thuyết minh số 11 và 12)*	235.159.705.032	246.281.961.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.159.578.996	156.990.946.932
Chi phí khác	137.391.429.666	322.563.946.197
TỔNG CỘNG	**5.125.547.259.203**	**4.186.276.175.850**

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Tổng Công ty là 25% thu nhập chịu thuế. Phần thu nhập phát sinh từ Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi được miễn thuế TNDN từ năm 2008 đến 2010.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.479.213.042	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	25.476.961.127	-
TỔNG CỘNG	**79.956.174.169**	-

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng đối chiếu lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế được trình bày như sau:

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần trước thuế	**2.672.017.733.237**	**851.626.162.790**
Các điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện	6.161.116.279	5.214.039.815
Chi phí khấu trừ lợi thế thương mại	51.989.673.027	-
Các chi phí khác không được khấu trừ	18.100.111.704	10.092.794.051
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Thu nhập cổ tức và lãi trái phiếu chính phủ	(2.244.406.811.522)	(815.975.191.751)
Lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(2.232.283.069)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**503.861.822.725**	**48.725.521.836**
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**125.965.455.681**	**12.181.380.459**
Thuế TNDN được ưu đãi và miễn giảm của Nhà máy bia Nguyễn Chí Thanh và Sài Gòn – Củ Chi	(71.486.242.639)	(12.181.380.459)
Điều chỉnh thuế TNDN theo biên bản quyết toán thuế năm 2008 và 2009	25.476.961.127	-
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**79.956.174.169**	**-**
Thuế TNDN phải thu năm trước	(37.966.083.396)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(28.700.159.633)	(37.966.083.396)
Thuế TNDN phải trả (phải thu) cuối năm	**13.289.931.140**	**(37.966.083.396)**

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tổng Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Lỗ chêch lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.540.279.070	745.439.187	794.839.883	(3.556.265.781)
TỔNG	**1.540.279.070**	**745.439.187**	**794.839.883**	**(3.556.265.781)**

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VNĐ

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị*
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây	Công ty con	Bán bia và nguyên vật liệu	83.329.380.764
		Thu nhập cổ tức	14.790.000.000
		Cổ tức đã nhận	14.790.000.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	Công ty con	Thu nhập cổ tức	9.537.000.000
		Cổ tức đã nhận	9.537.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	31.456.951.923
		Thu nhập cổ tức	8.966.000.000
		Cổ tức đã nhận	8.966.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nam	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	21.988.042.065
		Thu nhập cổ tức	3.588.450.000
		Cổ tức đã nhận	10.764.300.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Công ty con	Lãi vay	2.211.787.833
		Thu nhập cổ tức	3.672.000.000
		Cổ tức đã nhận	3.672.000.000
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	124.869.685.269
		Thu nhập cổ tức	7.685.250.000
		Cổ tức đã nhận	3.839.666.178
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	71.667.445.887
		Cho thuê công cụ, dụng cụ	315.660.000
		Thu nhập cổ tức	3.213.000.000
		Cổ tức đã nhận	11.245.500.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	104.440.081.819
		Thu nhập cổ tức	15.898.490.531
		Cổ tức đã nhận	15.898.490.531
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	Công ty con	Bán nguyên vật liệu	317.984.260.458
		Mua nguyên vật liệu	85.784.000
		Thu nhập cổ tức	18.360.000.000
		Cổ tức đã nhận	18.360.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại SABECO	Công ty con	Bán bia và nguyên vật liệu	4.247.102.534.885
		Mua bao bì	17.627.979.480
		Thu nhập cổ tức	2.037.587.098.654
		Cổ tức đã nhận	2.450.427.740.017
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO	Công ty con	Dịch vụ bảo trì	59.479.420.638
		Doanh thu bán hàng	81.441.691
		Thu nhập cổ tức	6.559.340.815
		Cổ tức đã nhận	5.641.283.467

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

VNĐ

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị*
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long	Công ty con	Thu nhập cổ tức Cổ tức đã nhận	3.081.250.000 3.081.250.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng Thu nhập cổ tức Cổ tức nhận được	206.792.410.634 9.249.916.000 9.248.816.000
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu Bán nguyên vật liệu	101.089.329.030 1.968.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	811.651.112.461
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm SABECO	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	36.841.910.200
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu Thu nhập cổ tức Cổ tức đã nhận	284.902.895 5.000.000.000 10.998.889.000
Quỹ đầu tư phát triển SABECO	Công ty liên kết	Góp vốn đầu tư Thu nhập cổ tức Cổ tức đã nhận	169.035.000.000 800.000.000 800.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì SABECO - Sông Lam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	676.213.250.876
Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	260.862.400.634
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu Thu nhập cổ tức Cổ tức đã nhận	569.289.817.046 60.090.534.397 60.090.534.397
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Công ty liên kết	Bán phế liệu	414.549.531
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Phú Thọ	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức Cổ tức đã nhận	1.330.700.000 1.330.700.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức Cổ tức đã nhận	5.685.213.900 5.685.213.900
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phủ Lý	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu Thu nhập cổ tức Cổ tức đã nhận	186.951.291.054 3.750.000.000 3.750.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tân Thành	Công ty liên kết	Trả hộ	1.259.212.575
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng	68.271.709.589

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VNĐ

	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*Phải thu (Phải trả)*
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây	Công ty con	Doanh thu bán hàng	11.694.991.530
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nam	Công ty con	Doanh thu bán hàng	1.582.179.268
Công ty Cổ phần Bia RượuSài Gòn - Đồng Xuân	Công ty con	Doanh thu bán hàng	11.366.594.937
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Công ty con	Doanh thu bán hàng	2.677.584.471
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	Công ty con	Doanh thu bán hàng	48.263.779.742
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại SABECO	Công ty con	Doanh thu bán hàng	87.688.852.279
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	Công ty con	Doanh thu bán hàng	11.612.229.660
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam	Công ty con	Doanh thu bán hàng	36.992.362.930
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Thọ	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng	36.343.197.610
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phủ Lý	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng	49.566.591.342
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	81.785.586.992
Công ty Cổ phần Bao Bì Sài Gòn	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng	1.262.800.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Tây Đô	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	31.522.127.381
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng	23.288.554.514
		TỔNG CỘNG	**435.647.432.656**

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

VNĐ

	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*Phải thu (Phải trả)*
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Miền Trung	Công ty con	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	6.025.815.920
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Tây Nguyên	Công ty con	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	7.438.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO Miền Đông	Công ty con	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	3.518.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO - Sông Tiền	Công ty con	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	4.624.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO - Sông Hậu	Công ty con	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	5.328.000.000
Các công ty khác	Bên liên quan		311.136.442
		TỔNG CỘNG	**27.244.952.362**
Phải thu cổ tức			
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại SABECO	Công ty con	Cổ tức phải thu	196.413.179.095
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây	Công ty con	Cổ tức phải thu	8.694.506.201
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Công ty con	Cổ tức phải thu	3.842.625.000
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO	Công ty con	Cổ tức phải thu	1.425.327.192
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Công ty con	Cổ tức phải thu	8.966.000.000
		TỔNG CỘNG	**219.341.637.488**
Phải thu liên quan đến cổ phần hóa			
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Công ty con	Phải thu về cổ phần hóa	12.164.847.389
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Công ty liên kết	Phải thu về cổ phần hóa	31.298.676.450
Công ty Cổ phần Nước khoáng Dakai	Công ty liên kết	Phải thu về cổ phần hóa	1.123.986.032
		TỔNG CỘNG	**44.587.509.871**
Đầu tư dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Công ty con	Cho vay	95.232.425.428

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

VNĐ

	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*Phải thu (Phải trả)*
Phải trả người bán			
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO	Công ty con	Chi phí bảo trì	(14.163.863.050)
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại SABECO	Công ty con	Mua bao bì	(647.890.600)
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Công ty liên kết	Mua bao bì	(3.083.333.928)
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm SABECO	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	(2.401.841.310)
Công ty Cổ phần Bao bì SABECO - Sông Lam	Công ty liên kết	Mua bao bì	(80.146.158.168)
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Công ty liên kết	Mua bao bì	(73.270.727.227)
Công ty Cổ phần Giao nhận Bia Sài Gòn	Công ty liên kết	Chi phí vận chuyển	(223.840.800)
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Phú Thọ	Công ty liên kết	Mua bao bì	(12.988.321.500)
Công ty khác	Bên liên quan		(1.632.396.271)
		TỔNG CỘNG	**(188.558.372.854)**
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO - Miền Bắc	Công ty con	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	(5.259.987.440)
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO - Bắc Trung Bộ	Công ty con	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	(2.947.917.830)
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO - Nam Trung Bộ	Công ty con	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	(1.454.825.700)
Công ty Cổ phần Thương mại SABECO - Sông Hậu	Công ty con	Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	(3.553.426.797)
		TỔNG CỘNG	**(13.216.157.767)**

30. CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến chi phí hoạt động

Tổng Công ty đã có cam kết theo hợp đồng thuê đất tại khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh về chi phí duy tu bảo dưỡng khu công nghiệp. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản phí duy tu bảo dưỡng khu công nghiệp phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Năm nay	*Năm trước*
Đến 1 năm	1.880.138.624	1.684.894.987
Trên 1 – 5 năm	7.520.554.496	6.739.579.948
Trên 5 năm	61.400.691.498	56.709.410.725
TỔNG CỘNG	**70.801.384.618**	**65.133.885.660**

Các cam kết liên quan đến chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có khoản cam kết 433.026.578.942 đồng Việt Nam (31 tháng 12 năm 2009 là 58.971.916.198 đồng Việt Nam) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động của Tổng Công ty.

32. ĐÁNH GIÁ LẠI

Vào tháng 3 năm 2010, Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện việc đánh giá lại tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty Cổ phần nhận bàn giao từ Tổng Công ty Nhà nước tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 để quyết toán các khoản phải trả cho Nhà nước về cổ phần hóa. Kết quả của quyết toán cổ phần hóa làm cho giá trị tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty được điều chỉnh lại như sau:

VNĐ

Tài sản/(nợ)	*Trước khi đánh giá lại*	*Sau khi đánh giá lại*	*Thặng dư/(thâm hụt) do đánh giá lại*
Đầu tư vào công ty con	1.478.738.976.403	1.623.043.256.689	144.304.280.286
Đầu tư vào công ty liên kết	835.733.219.578	867.209.267.420	31.476.047.842
Đầu tư dài hạn khác	1.338.708.714.973	1.367.880.920.786	29.172.205.813
Trả trước dài hạn (*)	583.733.405.365	629.385.602.266	45.652.196.901
Tài sản thuế hoãn lại	5.314.645.153	4.301.704.968	(1.012.940.185)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(33.082.422.230)	(34.614.585.271)	(1.532.163.041)
		TỔNG CỘNG	**248.059.627.616**

Toàn bộ khoản thặng dư do đánh giá lại được ghi bổ sung vào khoản phải trả cổ phần hóa cho ngân sách Nhà nước. Số dư đầu kỳ, đối ứng với việc tăng hoặc giảm các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên. Việc điều chỉnh này không ảnh hưởng đến báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ trước.

(*) Theo biên bản quyết toán cổ phần hóa, giá trị thực tế của trả trước dài hạn liên quan đến lợi thế thương mại phát sinh do cổ phần hóa và khoản phải trả Nhà Nước tương ứng sẽ được điều chỉnh theo ý kiến của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tỉnh Khánh Hòa về việc xác định giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường để tính lợi thế thương mại. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Khánh Hòa chưa thực hiện việc xác định giá trị này. Ban Giám đốc Tổng Công ty không thể xác định khi nào thì xảy ra việc xác định này và những ảnh hưởng có thể lên các báo cáo tài chính riêng.

33. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính riêng.

34. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính riêng của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính riêng năm nay.

Nguyễn Tiến Dũng Kế toán trưởng	Nguyễn Bá Thi Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2010